TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Xuân Thủy và bà Lê Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hà Thị Huyền T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn NT, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lê Đức H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Chị T, anh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025, nội dung bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Huyền T và anh Lê Đức H kết hôn năm 2016 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang do hai bên hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế từ đó

vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung hết sức căng thẳng. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Đến năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng chị T đi làm công nhân ở thành phố Hải Phòng, anh H có khuyên bảo chị T về chung sống cùng anh H nhưng chị T không về. Trong thời gian này chị T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T không gửi tiền về cho anh H để nuôi con, chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức H.

- Về con chung: Có 02 con là cháu Lê Hà Thu T1, sinh ngày 14/4/2017 và cháu Lê Đức A, sinh ngày 22/12/2018. Ly hôn chị T nhất trí giao cháu T1 và cháu A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đức H nêu quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T được tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, đến năm 2024 chị T đi làm công nhân ở thành phố Hải Phòng, chị T không quan tâm đến gia đình, không gửi tiền hỗ trợ cho anh H để nuôi con từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, cuộc sống không hạnh phúc. Đến cuối năm 2024 chị T không về chung sống cùng anh H nữa, vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau, anh H đã khuyên bảo nhưng chị T cương quyết không về chung sống chung với anh H. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Chị T yêu cầu ly hôn tại Tòa án, anh H nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Có 02 con là cháu Lê Hà Thu T1, sinh ngày 14/4/2017 và cháu Lê Đức A, sinh ngày 22/12/2018. Ly hôn anh H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu A và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng

thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Huyền T và bị đơn anh Lê Đức H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 23/4/2025 cháu Lê Hà Thu T1, sinh ngày 14/4/2017 trình bày sau khi chị Hà Thị Huyền T và anh Lê Đức H ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Huyền T, cho chị Hà Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Đức H.

Về con chung: Giao cháu Lê Hà Thu T1, sinh ngày 14/4/2017 và cháu Lê Đức A, sinh ngày 22/12/2018 cho anh Lê Đức H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị Huyền T phải cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có, không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Hà Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; anh Lê Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Hà Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lê Đức H; anh Lê Đức H có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Huyền T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Huyền T và anh Lê Đức H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống tại tổ dân phố VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T cho rằng do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã đến năm 2024 chị T đi làm công nhân ở ngoài địa phương chị T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị T không gửi tiền cho anh H để nuôi con đến tháng 8 năm 2024 chị T và anh H đã sống ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Hà Thị Huyền T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Đức H. Anh Lê Đức H xác nhận quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời điểm sống ly thân đúng như chị T trình bày. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H nhất trí ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị Hà Thị Huyền T và anh Lê Đức H có 02 con chung là cháu Lê Hà Thu T1, sinh ngày 14/4/2017 và cháu Lê Đức A, sinh ngày 22/12/2018. Sau khi ly hôn anh H có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hà Thu T1 và cháu Lê Đức A, yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng

(Một triệu đồng), kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Chị T nhất trí với yêu cầu của anh H giao cháu T1 và cháu A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng),* kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử giao cháu Lê Hà Thu T1 và cháu Lê Đức A cho anh Lê Đức H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị Thu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hà Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; anh Lê Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị Huyền T, cho chị Hà Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Đức H (Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 08/8/2016 của UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hà Thu T1, sinh ngày 14/4/2017 và cháu Lê Đức A, sinh ngày 22/12/2018 cho anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A

mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* và phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền chị T phải nộp là 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003555998 ngày 01/4/2025 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000825 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Anh Lê Đức H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA dân sự huyện;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã YL (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh